

Báo cáo SIREN

STRATEGIC INFORMATION RESPONSE NETWORK

Dự án Liên minh các Tổ chức Liên Hiệp Quốc về Phòng chống Buôn bán Người
(UNIAP): Giai đoạn III


BANGKOK, THAILAND

Ngày 6 tháng 5 năm 2008

GMS-05

TẠI SAO CÁC NẠN NHÂN CỦA BUÔN BÁN NGƯỜI TỪ CHỐI SỰ HỖ TRỢ¹

PHẢN HỒI TỪ CÁC NẠN NHÂN CHÂU ÂU

KEYWORD	<ul style="list-style-type: none">▪ Địa điểm: Châu Âu (Albania, Moldova, Serbia)▪ Chủ đề: Buôn bán phụ nữ và trẻ em; bảo vệ nạn nhân; tác động▪ Loại phân tích: Các cuộc phỏng vấn với các nạn nhân bị buôn bán		
Mục đích	<i>Phân tích tình hình của các nạn nhân bị buôn bán và ý kiến của họ về các dịch vụ bảo vệ mà họ được nhận hoặc không được nhận, nhằm xác định những điều cần cải tiến trong công tác bảo vệ nạn nhân.</i>		
Các tác giả	<table><tr><td>Viện Fafo / Oslo, Na-Uy Anette Brunovskis Anette.Brunovskis@fafo.no</td><td>Viện NEXUS/ Vienna, Áo Rebecca Surtees Rsurtees@nexusinstitute.net</td></tr></table> 	Viện Fafo / Oslo, Na-Uy Anette Brunovskis Anette.Brunovskis@fafo.no	Viện NEXUS/ Vienna, Áo Rebecca Surtees Rsurtees@nexusinstitute.net
Viện Fafo / Oslo, Na-Uy Anette Brunovskis Anette.Brunovskis@fafo.no	Viện NEXUS/ Vienna, Áo Rebecca Surtees Rsurtees@nexusinstitute.net		

BỐI CẢNH

“Cô A” di cư từ một thị trấn nông thôn ở biên giới sang nước ngoài, với hy vọng tìm được một việc làm tốt và có một mức sống cao hơn. Cô gặp một người phụ nữ người phụ nữ ngỏ lời giúp đỡ cô, hứa hẹn rằng sẽ đưa cô đến một nơi rất dễ chịu và giúp cô tìm việc làm ở đó. Cô A không hiểu tiếng địa phương ở đây lắm, nhưng cô cũng đồng ý – và rồi bị bán và trở thành nạn nhân bị bóc lột lao động.

Cảnh sát cuối cùng đã vây bắt cơ sở lao động này, giải cứu những người phụ nữ, trong đó có cô A và chuyển cô cho một người phụ nữ. Người phụ nữ này nói với cô A rằng cô ấy có thể giúp cô A có một chỗ ở và một việc làm đáng hoàng nào đó, nếu cô A đi với cô ấy. Cô A không hiểu lắm những gì cô này nói, vì cô vẫn biết quá ít tiếng địa phương... Mặc dù người phụ nữ này là một nhân viên công tác xã hội của một nhà tạm lánh ở địa phương nhưng cô A vẫn cảm thấy sợ rằng đây lại là một kẻ buôn người nữa.

Làm thế nào chúng ta có thể cải tiến công tác bảo vệ nạn nhân và cách thức mà dịch vụ này được đưa đến với nạn nhân, để bản thân nó không giống với quá trình buôn bán người? Làm thế nào chúng ta có thể giảm thiểu những sự khốn quẫn, sợ hãi, và không tin tưởng của nạn nhân? Điều quan trọng nhất là làm thế nào chúng ta có thể cải tiến dịch vụ này và cách thức chúng ta đưa ra các dịch vụ đó, để nạn nhân cảm thấy mong muốn có

¹ Báo cáo SIREN này tóm lược: Brunovskis, A. & R. Surtees (2007) *Bỏ lại quá khứ phía sau? Khi nạn nhân của buôn bán người từ chối sự hỗ trợ*. Viện Fafo AIS (Oslo) và Viện NEXUS (Vienna). Có thể tải báo cáo này từ địa chỉ trang web: <http://www.fafo.no/pub/rapp/20040/20040.pdf>.

được các dịch vụ này, và các dịch vụ này sẽ có thể đáp ứng được những nhu cầu thực sự của riêng cá nhân từng người? Một nghiên cứu đã được tiến hành ở Châu Âu để tìm kiếm câu trả lời cho những câu hỏi quan trọng này.

Tại sao một số nạn nhân bị buôn bán từ chối sự hỗ trợ, và dưới các hoàn cảnh như thế nào? Một số các bài học và phương pháp từ Châu Âu.

Trong khi nhiều nạn nhân bị buôn bán chưa bao giờ được ai đề nghị hỗ trợ, nhiều người được đề nghị hỗ trợ lại chọn cách từ chối sự giúp đỡ được đưa đến cho họ. Tại sao lại như vậy? Điểm khởi đầu cho nghiên cứu này là nếu như phụ nữ và trẻ em gái từ chối sự hỗ trợ bởi vì họ không cần đến nó, thì điều này không có vấn đề gì và họ cần được yên ổn. Tuy nhiên, nếu sự hỗ trợ bị khước từ vì những lý do khác, dù sự trợ giúp dưới hình thức nào đó có thể có lợi cho các nạn nhân này, thì vấn đề cần phải được xem xét khẩn cấp. Nghiên cứu của chúng tôi được thực hiện ở ba nước Đông Âu vào tháng 4 đến tháng 11 năm 2006, nhằm đóng góp cho vấn đề đang được bàn luận là làm thế nào để tổ chức công tác bảo vệ nạn nhân và điều gì có thể được thực hiện để đáp ứng tốt hơn những nhu cầu của các đối tượng đa dạng khác nhau thuộc nhóm “nạn nhân bị buôn bán”.

Tại sao lại phổ biến tại Châu Á các kết quả của một nghiên cứu của Châu Âu, dù có rất nhiều sự khác biệt về văn hóa và địa lý giữa hai khu vực này? Có ba lý do chính như sau:

1. Các phương pháp và khuôn khổ phân tích đã thu được những kết quả không chỉ hữu ích cho việc cải tiến công tác bảo vệ nạn nhân ở Châu Âu mà cả ở các khu vực khác.
2. Nghiên cứu này nhấn mạnh tầm quan trọng của các nhu cầu và các quyết định của nạn nhân bị buôn bán, và việc áp dụng những phương pháp và phân tích tương tự có thể hữu ích cho công tác bảo vệ nạn nhân trên toàn cầu. Việc chuẩn hóa phương pháp nghiên cứu cũng cho phép việc phân tích mang tính so sánh giữa các nước khác nhau.
3. Mặc dù những nhu cầu, mong muốn, và hoàn cảnh của các nạn nhân ở khu vực Đông Nam Á có thể khác với khu vực Châu Âu, nhưng những yếu tố như sự sợ hãi, thiếu nhận thức, nghĩa vụ với gia đình, và mong muốn có cuộc sống tốt đẹp hơn, là những điểm chung của các nạn nhân, và điều quan trọng là phải đánh giá đúng được những yếu tố này có thể ảnh hưởng như thế nào tới việc ra quyết định của các nạn nhân bị buôn bán.

SƠ LƯỢC VỀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ MẪU PHÒNG VẤN

- ▶ **Địa bàn nghiên cứu:** Albania và Moldova (các nước đi); Serbia (nước quá cảnh/nước đến/nước đi) – phỏng vấn ở các thủ đô, một số các thị trấn và làng được lựa chọn. Mỗi nước được tới nghiên cứu hai lần, mỗi lần một tuần; lần thứ hai bao gồm việc phỏng vấn lại những người đã trả lời phỏng vấn lần trước, và phỏng vấn những người khác, và những địa điểm khác được biết tới sau chuyến nghiên cứu thứ nhất.
- ▶ **Mẫu phỏng vấn:** 52 nạn nhân và người có nguy cơ là phụ nữ; 90 nhân viên chính phủ và phi chính phủ làm việc trong các chương trình hỗ trợ nạn nhân.

Số nạn nhân được phỏng vấn	39
Số người được phỏng vấn làm mại dâm trên đường phố; tình trạng buôn bán người không xác định rõ ràng	13
<i>Số nạn nhân bị buôn bán và gái mại dâm được phỏng vấn hai lần</i>	7
<i>Số người đã từng chấp nhận sự hỗ trợ vào thời điểm phỏng vấn</i>	30
<i>Số người chưa bao giờ được xác định là nạn nhân và chưa bao giờ được đề nghị hỗ trợ</i>	7
<i>Số người được xác định là nạn nhân nhưng đã từ chối tất cả mọi sự hỗ trợ</i>	2
Số nhân viên xã hội, chuyên gia tâm lý, nhân viên y tế, luật sư và cảnh sát được phỏng vấn	90
<i>Số nhân viên xã hội, cảnh sát và những người khác làm việc trong các chương trình hỗ trợ nạn nhân được phỏng vấn ít nhất hai lần</i>	11

Phương pháp nghiên cứu

Bước 1: Phỏng vấn những nhân viên chủ chốt thuộc các tổ chức hỗ trợ và những người hoạt động trong lĩnh vực phòng chống buôn bán người: 35 tổ chức ở ba quốc gia, với nhiều kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán.

Bước 2: Lựa chọn các nạn nhân bị buôn bán để phỏng vấn thông qua mười tổ chức hỗ trợ. Cuộc nghiên cứu không lựa chọn người được phỏng vấn ngoài các kênh này – ví dụ thông qua các trung tâm dịch vụ xã hội, các nhóm cộng đồng hoặc các nhà hoạt động khác tại địa phương – vì nếu qua các kênh này thì có thể cộng đồng đã biết về tình trạng bị buôn bán của các nạn nhân, do đó có thể khiến họ phải chịu sự kỳ thị hoặc các vấn đề khác.

Bước 3: Phỏng vấn các nạn nhân bị buôn bán, với sự đảm bảo tuân thủ theo các nguyên tắc ứng xử với nạn nhân. Để đảm bảo có được sự đồng ý của người được phỏng vấn, một bản thông tin về dự án nghiên cứu bằng tiếng địa phương đã được cung cấp cho những người dự kiến sẽ tham gia phỏng vấn. Thông tin này cũng được nhắc lại ở phần giới thiệu trước khi bắt đầu phỏng vấn, và cuối mỗi cuộc phỏng vấn đều có thời gian dành cho các câu hỏi của người được phỏng vấn, cũng như để nói rõ về việc họ có thể liên hệ với chúng tôi như thế nào nếu họ có băn khoăn, e ngại gì sau cuộc phỏng vấn hoặc sau đợt nghiên cứu.

CÁC VẤN ĐỀ VỀ VIỆC ỨNG XỬ VÀ THIÊN LỆCH MẪU NGHIÊN CỨU TRONG KHI LỰA CHỌN NẠN NHÂN BỊ BUÔN BÁN ĐỂ PHÒNG VẤN

Có sự khác nhau đáng kể giữa các tổ chức về thiện chí hỏi những người hưởng lợi của mình liệu họ có muốn tham gia vào cuộc nghiên cứu hay không, cũng như thiện chí chia sẻ một cách cởi mở về công việc và kinh nghiệm của mình với các nạn nhân từ chối sự hỗ trợ. Có lẽ một điều không ngạc nhiên là các tổ chức ít minh bạch về công việc của mình thì cũng ít mong muốn chia sẻ thông tin về dự án nghiên cứu với những người hưởng lợi của mình, và tự quyết định thay cho những người hưởng lợi thay vì để cho họ tự chọn cho mình. Khó có thể nói liệu các dữ liệu của chúng tôi có thể đã rất khác đi nếu như việc tiếp cận với những người tham gia phỏng vấn được phân bố đồng đều hơn giữa các tổ chức khác nhau và giữa các mô hình chăm sóc khác nhau. Tuy nhiên, sự tiếp cận không đồng đều với những người tham gia trả lời phỏng vấn tùy thuộc vào tổ chức nào hỗ trợ họ cần phải được lưu ý trong các nghiên cứu về buôn bán người nói chung.

Điều này cũng đặt ra một vấn đề: một tổ chức nên có một mức độ kiểm soát và quyết định như thế nào về mối quan hệ tương tác của những người hưởng lợi của họ với thế giới bên ngoài, trong đó có việc tham gia vào nghiên cứu?

Những kết quả chính của nghiên cứu: Có rất nhiều lý do khiến các nạn nhân từ chối sự hỗ trợ, có thể chia làm 3 nhóm lý do chính: (1) hoàn cảnh cá nhân; (2) khó khăn trong hệ thống bảo vệ nạn nhân; và (3) bối cảnh xã hội và kinh nghiệm cá nhân là những rào cản đối với sự hỗ trợ

Những hoàn cảnh cá nhân dẫn đến việc nạn nhân từ chối sự hỗ trợ

Chấp nhận sự hỗ trợ sẽ làm cản trở việc di cư tiếp theo. Những người phụ nữ bị buôn bán trở về nước dưới những hoàn cảnh khác nhau. Trong hầu hết các trường hợp, việc di cư ban đầu của họ (dẫn đến kết quả là họ bị buôn bán) là một chiến lược để họ kiếm sống, hoặc với một số trường hợp là để họ trốn khỏi hoàn cảnh nghèo khó ở nhà. Thường thì cả hoàn cảnh ở nhà cũng như mong muốn có một cuộc sống tốt đẹp hơn đều sẽ không thay đổi: họ vẫn muốn di cư. Điều này đặc biệt xảy ra trong trường hợp việc họ bị buôn bán càng làm trầm trọng thêm tình hình vốn đã khó khăn ở nhà. Hơn nữa, các nạn nhân bị buôn bán sẽ không hẳn là được thoát khỏi tình trạng bị buôn bán bởi vì họ đã được xác định là nạn nhân. Họ có thể vẫn bị mong đợi phải mang lại thu nhập cho kẻ buôn người, có khi lại mang những khoản nợ lớn hơn do các chi phí tăng thêm từ việc bị buôn bán lại/di cư lại. Trong nhiều trường hợp, các phụ nữ là nạn nhân bị buôn bán ít chịu sự kiểm soát bởi những rào cản về thể chất, mà là bởi những sự cản trở về tâm lý nhiều hơn, thường dưới dạng bị đe dọa. Việc bị trục xuất về nước nói chung sẽ không làm thay đổi tình trạng của họ trong mối quan hệ với kẻ buôn người, và họ sẽ không cảm thấy được tự do hơn nếu chấp nhận sự hỗ trợ hoặc phá vỡ quan hệ với kẻ buôn người, mặc dù có thể họ có vẻ là đã được trả tự do.

Sự tương tác với gia đình có thể dẫn đến việc từ chối sự hỗ trợ. Gia đình đóng một vai trò quan trọng trong các quyết định về việc chấp nhận sự hỗ trợ, có khi ảnh hưởng một cách thụ động, có khi trực tiếp ra quyết định cho nạn nhân. Trong một vài trường hợp, chúng tôi thấy gia đình can ngăn nạn nhân không chấp nhận sự hỗ trợ. Từ chối sự hỗ trợ để trở về với gia đình đôi khi là một điều mặc nhiên, vì nếu chấp nhận sự hỗ trợ thì nạn nhân phải trả một cái giá quá cao. Những cái giá này có thể là những *chi phí về mặt tinh thần* do nạn nhân muốn được chính gia đình mình an ủi. Đó có thể là những *chi phí về mặt xã hội*, ví dụ như khi những người cung cấp dịch vụ yêu cầu người hưởng lợi hạn chế liên hệ với gia đình (ít nhất là trong thời gian ở trong nhà tạm lánh) và chỉ có thể gặp gia đình trong một môi trường bị kiểm soát, ví dụ như trong đồn cảnh sát. Đó có thể là những *hậu*

quả về mặt tài chính, khi mà việc chấp nhận sự hỗ trợ thường đi liền với việc nạn nhân không thể kiếm được thu nhập, ít ra là khi họ bắt đầu nhận hỗ trợ. Những chi phí này có thể làm cho một số các nạn nhân thực sự không thể chấp nhận sự hỗ trợ.

Ngoài ra, các nạn nhân thường muốn trở về nhà ngay nhưng có thể thấy rằng các mối quan hệ đã thay đổi, hoặc họ phải đối mặt với những vấn đề ở nhà mà cần phải có sự can thiệp nào đó. Trong những trường hợp như vậy, các nạn nhân ban đầu có thể từ chối sự hỗ trợ, nhưng sau đó lại chấp nhận, như vậy buộc rằng họ phải có thông tin để tìm kiếm sự hỗ trợ phù hợp về sau. Trong nhiều trường hợp, khi một nạn nhân bị buôn bán trở về nhà, gia đình biết rất ít hoặc không biết gì về lý do tại sao họ ra đi và những gì họ đã trải qua. Các nạn nhân thấy rất khó kể với gia đình về chuyện đã xảy đến với họ, và điều này gây nên sự căng thẳng và hiểu nhầm, và gia đình sẽ không nhận thấy được rằng người này cần được giúp đỡ.

Nạn nhân không cần sự hỗ trợ. Một lý do khiến nạn nhân có thể không nhận sự hỗ trợ là do họ (và/hoặc gia đình) đã quyết định rằng họ không cần sự hỗ trợ được đề nghị dành cho họ. Trong một số trường hợp, nạn nhân không yêu cầu/không muốn sự hỗ trợ và họ muốn tự mình giải quyết vấn đề và tiếp tục cuộc sống của mình. Trong một số trường hợp khác, mặc dù nạn nhân có thể cần sự hỗ trợ, nhưng họ có thể tiếp cận được với các nguồn hỗ trợ khác và không yêu cầu các dịch vụ chính thống do các nhà hoạt động phòng chống buôn bán người cung cấp. Hỗ trợ này có thể từ phía gia đình, từ mạng lưới xã hội, cộng đồng, hoặc từ các dịch vụ không liên quan tới buôn bán người. Trong thực tế, thường mọi người thống nhất rằng khi có các lựa chọn khác, các nạn nhân thường muốn theo các lựa chọn đó. Những sự hỗ trợ mà không phải riêng cho nạn nhân bị buôn bán mà dành cho những người dân nói chung thường được đánh giá cao.

Những khó khăn trong hoạt động bảo vệ nạn nhân dẫn đến việc nạn nhân từ chối sự hỗ trợ

Những vấn đề về thông tin và truyền thông. Một lý do khá phổ biến của việc nạn nhân từ chối sự hỗ trợ là do họ không hiểu về dịch vụ dành cho họ. Ngay cả những nạn nhân đã chấp nhận sự hỗ trợ, hoặc không có sự lựa chọn nào khác mà phải chấp nhận sự hỗ trợ do vị thế là người di cư bất hợp pháp, đã rất bối rối khi lúc đầu họ được đề nghị hỗ trợ. Những người phụ nữ bị buôn bán khi được điều tra đã có những suy nghĩ khác nhau về một nhà tạm lánh là như thế nào: “một ngôi nhà có rất nhiều người, trẻ em và phụ nữ, và bao nhiêu máy quay phim”; “một cái hầm có các quán bar”, “một sự lừa gạt” hoặc “một ngôi nhà có rất nhiều người”. Những người khác không biết chắc họ được đưa tới đâu khi họ đồng ý được hỗ trợ, không chắc chắn liệu họ có thể tin cậy những người cung cấp dịch vụ hoặc cảnh sát hay không, và thậm chí họ còn lo ngại rằng họ bị buôn bán một lần nữa. Sự lúng túng này có nguyên nhân một phần từ việc thông tin không đầy đủ và không rõ ràng. Nói chung, sự hỗ trợ được giải thích chung bằng miệng, và rất ít nạn nhân nhận được thông tin bằng văn bản ghi rõ những dịch vụ hỗ trợ mà họ có thể lựa chọn. Có cả những vấn đề liên quan đến tình trạng của cá nhân từng nạn nhân: tình trạng tâm lý, khả năng hiểu biết, rào cản ngôn ngữ, và việc thiếu kiến thức và kinh nghiệm về sự hỗ trợ.

Tổ chức hoạt động hỗ trợ. Các kinh nghiệm và xuất xứ của các phụ nữ và trẻ em là nạn nhân bị buôn bán rất khác nhau. Những người tham gia trả lời phỏng vấn khác nhau về độ tuổi, tình trạng kinh tế, trình độ văn hóa, mối quan hệ gia đình, kinh nghiệm bị buôn bán, v.v... Với sự khác biệt này, không khó để có thể nhận thấy rằng *một cỡ không thể vừa cho tất cả mọi người* xét về mặt nhu cầu hỗ trợ, đặt ra một thách thức cho các nhà cung cấp dịch vụ làm việc với các nạn nhân bị buôn bán. Nhiều nạn nhân từ chối sự hỗ trợ bởi vì họ không thể hoặc không muốn nhận sự hỗ trợ với hình thức được đưa ra. Điều này có thể bởi vì các nhu cầu cụ thể của một nạn nhân không được chương trình xét tới. Cũng có thể không hẳn là do tính chất và nội dung của sự hỗ trợ mà là do cách thức sự hỗ trợ đó được tổ chức và đưa ra: trong các chương trình hỗ trợ tại nhà tạm lánh; tại các thành phố thủ đô

cách xa gia đình nạn nhân; và với yêu cầu về mặt thời gian khiến nạn nhân không thể đáp ứng được vì họ cần phải làm việc và giúp đỡ gia đình.

Một điều nghịch lý là, các tình huống mà nạn nhân được đề nghị hỗ trợ đôi khi lại giống với quá trình buôn bán người, và điều này có thể gây nên sự lo sợ rất lớn. Cũng có những lời hứa hẹn giúp đỡ, nạn nhân cũng được đưa tới đâu đó và được hứa hẹn có một cuộc sống tốt đẹp hơn. Một số người trả lời phỏng vấn đã sợ rằng họ đang bị buôn bán một lần nữa khi họ được đưa tới một nhà tạm lánh hay đồn cảnh sát. Trong các trường hợp khác, sự hỗ trợ không xét một cách đầy đủ đến việc các nạn nhân sợ kẻ buôn người. Các nạn nhân thường lo sợ rằng việc họ chấp nhận sự hỗ trợ sẽ bị những kẻ buôn người coi là hợp tác với nhà chức trách, và kết quả là những kẻ buôn người sẽ làm những việc để trả thù họ và gia đình họ.

Sự tác động lẫn nhau giữa những người cung cấp dịch vụ và người hưởng lợi. Trong một số tình huống, nghiên cứu của chúng tôi thấy rằng không phải lúc nào nạn nhân bị buôn bán cũng là người từ chối sự hỗ trợ, mà thực ra những người cung cấp dịch vụ cũng từ chối. Trong một số trường hợp, các nạn nhân bị loại ra không được nhận hỗ trợ sau khi đã cố tình không tuân theo các quy định, điều này được các nhân viên xã hội coi là một sự từ chối thực tế các dịch vụ và khuôn khổ hỗ trợ, nhưng điều này có thể tạo nên sự căng thẳng và những mong đợi khác nhau giữa những người cung cấp dịch vụ và người hưởng lợi. Một số phụ nữ trả lời phỏng vấn cho biết các nhân viên chương trình có những hành vi có vấn đề, trong đó có việc họ có thành kiến và không tế nhị với nạn nhân, coi nạn nhân là “con điểm”, “người ngoại bang” và “không được mong muốn”. Trong những trường hợp khác, những người hưởng lợi bỏ đi một cách tự nguyện, nhưng là bởi vì họ thấy không thể theo được các điều kiện của chương trình. Nhiều nhà tạm lánh có những quy định và hạn chế rất nghiêm khắc, ví dụ như “đóng kín cửa”, tự do đi lại bị hạn chế, không được dùng điện thoại, và không được liên hệ với người bên ngoài chương trình, là những điều thường được giải thích là cần thiết để bảo vệ nạn nhân khỏi sự đe dọa và trả thù. Tuy nhiên, những quy định này trong nhiều trường hợp dường như quá mức, và một số các nạn nhân được hỗ trợ thấy rằng những quy định hạn chế này khó thực hiện và gây căng thẳng tâm lý. Hơn nữa, việc các nhà tạm lánh khác có thể hỗ trợ nạn nhân mà không hạn chế tự do của họ và cũng không có vấn đề nào về an ninh đặt ra câu hỏi khi nào và liệu những biện pháp này có thực sự cần thiết và phù hợp hay không. Một số người cung cấp dịch vụ cũng giải thích rằng đôi khi họ buộc phải từ chối không hỗ trợ nạn nhân vì các nguồn lực hạn chế và họ chỉ tập trung vào những người có tiềm năng thay đổi cao nhất.

Bối cảnh xã hội và kinh nghiệm cá nhân có thể là rào cản đối với sự hỗ trợ

Sự tin tưởng. Vấn đề về sự tin tưởng củng cố thêm tất cả các kết quả nghiên cứu của chúng tôi, bởi vì nó là điều mấu chốt trong mọi quyết định về việc có chấp nhận sự hỗ trợ hay không. Sự tin tưởng là nền tảng của công việc mà các tổ chức hỗ trợ đang thực hiện, khi đề nghị nạn nhân tham gia vào các chương trình họ không được biết hoặc đưa họ tới các nhà tạm lánh mà họ chưa bao giờ từng đến. Hai khía cạnh đặc biệt của sự tin tưởng là các vấn đề nằm trong và của chính bản thân họ: sự nghi ngờ đối với sự hỗ trợ và thiếu tin tưởng do những kinh nghiệm hỗ trợ trước đó.

Về sự nghi ngờ, nhiều nạn nhân (và thường là cả gia đình họ) thể hiện một số sự nghi ngờ và không chắc chắn về các loại can thiệp và hỗ trợ khác nhau. Một số người nghi ngờ về một số hình thức hỗ trợ nào đó – như hỗ trợ tâm lý – có thể không được đánh giá cao hoặc có những sự liên đới tiêu cực trong xã hội. Những người khác nghi ngờ rằng các dịch vụ “miễn phí” nhưng có thể sau đó sẽ mất các chi phí nào đó. Ngay cả nếu có sự tin tưởng trong một trường hợp cụ thể, thì điều đó thường gắn với một cá nhân hay một tổ chức cụ thể, và làm cho việc chuyển dịch vụ tới các tổ chức khác thêm phức tạp. Những kinh nghiệm không hay về sự hỗ trợ trước đó, cả trong công tác phòng chống buôn bán người và các lĩnh vực khác nói chung, cũng đều ảnh hưởng tới việc từ chối hỗ trợ của nạn nhân.

Cần xem xét mức độ tiêu cực của các kinh nghiệm trong quá khứ gắn với các yếu tố khác như thế nào. Ví dụ, có thể là các kinh nghiệm tiêu cực phổ biến hơn trong số những người thuộc các nhóm yếu thế nào đó, như những người dân tộc thiểu số hoặc những người đã từng làm gái mại dâm, và do đó mà những người xuất phát từ các nhóm này nay lại trở thành mại dâm bị buôn bán có thể sẽ từ chối sự hỗ trợ hơn những người khác.

Sự kỳ thị và bị loại trừ. Nhận sự hỗ trợ - tại nhà tạm lánh hay tại cộng đồng (từ một tổ chức phòng chống buôn bán người) – có thể khiến mọi người coi những người phụ nữ đó là nạn nhân bị buôn bán và dẫn tới việc họ bị kỳ thị. Hơn nữa, sự kỳ thị này không chỉ ảnh hưởng tới cá nhân mà còn cả tới gia đình và cộng đồng. Mặc dù hầu hết nguyên nhân rõ ràng nhất của sự kỳ thị đối với nạn nhân bị buôn bán là việc họ làm mại dâm, một nguyên nhân khác là việc họ di cư thất bại, đặc biệt là ở những nước mà có nhiều câu chuyện di cư “thành công”. Điều ngạc nhiên là sự kỳ thị có thể phát sinh từ những điều mà một người phụ nữ bị coi là đã làm, hơn là những việc thực sự cô ta đã làm. Trong nhiều hoàn cảnh, rời bỏ làng hoặc thị trấn dưới một số hoàn cảnh nào đó có thể đủ để bị coi là “làm đường lạc lối” mà chuốc lấy sự kỳ thị, vì người đó đã ra khỏi ranh giới về hành vi có thể chấp nhận được đối với một người phụ nữ. Bản thân việc rời bỏ làng có thể khiến mọi người suy đoán rằng người phụ nữ này đã làm gái mại dâm, mặc dù không hề có dấu hiệu nào khác về điều này. Việc nhận các dịch vụ và sự hỗ trợ mà những người khác trong cộng đồng có thể muốn có được (và cần đến) cũng có thể dẫn đến sự ghen ghét, và làm cho sự kỳ thị càng nặng nề thêm. Điều này cho thấy sự cần thiết phải có các can thiệp ít gây sự chú ý hơn, như việc hỗ trợ chung những nhóm người dễ bị tổn thương về mặt xã hội hơn là hỗ trợ riêng cho các nạn nhân bị buôn bán, cũng như là lợi thế chiến lược của việc giúp đỡ cộng đồng nói chung (ví dụ, về giáo dục, an ninh lương thực hoặc nâng cao nhận thức) hơn là chỉ nhắm tới một cá nhân hay một gia đình.

Xác định vai trò của nạn nhân. Chấp nhận sự hỗ trợ trong nhiều trường hợp làm thay đổi cơ bản quan điểm của nạn nhân về bản thân mình. Điều thú vị là, đôi khi những lý do đối lập nhau được đưa ra để lý giải cho cùng một sự lựa chọn; một người phụ nữ lý giải cho việc chấp nhận sự hỗ trợ bằng việc cho mọi người thấy rằng bình thường cô tự xoay xở mọi việc của mình, cô nói “Tôi không phải là người chỉ biết nhận”; trong khi một người khác thì lý giải là “Tôi không phải là người luôn nói không với bất kỳ điều gì”, ý nói rằng cô sẽ không đại gì mà bỏ phí một cơ hội cải thiện cuộc sống của mình. Nhiều người cũng nói về một sự thay đổi trong cách họ nhìn nhận về bản thân sau khi nhận sự hỗ trợ - ví dụ như, họ cảm thấy tự tin hơn, họ biết rằng họ xứng đáng có một cuộc sống tốt hơn những việc mà họ đã phải trải qua, họ không còn cảm thấy tội lỗi hoặc tự ti nữa.

Tuy nhiên, với những người khác, tình hình phức tạp hơn và không phải luôn luôn sáng sủa rõ ràng. Việc chấp nhận sự hỗ trợ dành cho nạn nhân bị buôn bán có nghĩa là chấp nhận vai trò và vị thế của một nạn nhân bị buôn bán. Vai trò này có nhiều khía cạnh và dường như có nhiều yếu tố trái chiều. Một mặt, các nạn nhân thường bị kỳ thị, mặt khác, đôi khi những câu chuyện xung quanh vấn đề này lại gần như là một sự tuyên dương đối với các nạn nhân. Do vậy, đó không phải là một vai trò dễ dàng đối với một số người. Ngoài ra, việc chấp nhận sự hỗ trợ, ở một mức độ nào đó, cũng có nghĩa là chấp nhận sự nặng nề của những việc đã xảy ra, mà bản thân những việc đó có thể là một chương ngại khó khăn để có thể vượt qua, với cơ chế tự vệ rất tự nhiên trước những kinh nghiệm gây chấn thương tâm lý là sự đè nén và phủ nhận. Những vấn đề liên quan đến vai trò của nạn nhân bị buôn bán liên quan tới cả bản thân từ ‘buôn bán người’ và việc là một nạn nhân nói chung và là một người tiếp nhận sự hỗ trợ.

Kết luận

Các nạn nhân từ chối sự hỗ trợ có các hoàn cảnh khác và có những đặc điểm khác so với những người chấp nhận sự hỗ trợ. Chúng tôi thấy rằng hầu hết các nạn nhân chỉ chấp nhận sự hỗ trợ khi họ ở vào những hoàn cảnh tuyệt vọng và không có sự lựa chọn nào khác. Trái

lại, chúng tôi cũng thấy rằng những người có những sự lựa chọn khác hoặc có một mạng lưới an sinh nào đó thường từ chối sự hỗ trợ dành riêng cho nạn nhân bị buôn bán và tìm kiếm sự hỗ trợ này ở những nơi khác. Điều này có thể có nghĩa là một số các đặc điểm liên quan tới các nạn nhân bị buôn bán có thể mang tính điển hình của *các nạn nhân bị buôn bán được hỗ trợ* hơn là các nạn nhân bị buôn bán nói chung. Ví dụ như, giả thuyết cho rằng hầu hết các nạn nhân bị buôn bán xuất thân từ các gia đình có vấn đề có thể là do các nạn nhân bị buôn bán có mối quan hệ gia đình tốt đẹp sẽ trở về nhà chứ không tới nhận sự hỗ trợ, và do vậy mà các kinh nghiệm của họ không tiêu biểu.

Sự khác nhau giữa các nạn nhân được hỗ trợ và các nạn nhân không được hỗ trợ có ý nghĩa cả cho việc nghiên cứu lẫn chính sách. Có một sự cần thiết phải đánh giá đúng các hoạt động hỗ trợ cho nạn nhân bị buôn bán, để xem những hoạt động nào hiệu quả, và những hoạt động nào không hiệu quả. Tuy nhiên, các đánh giá này không chỉ cần xem xét tác động đối với các nạn nhân được hỗ trợ, mà cả vấn đề ai **KHÔNG** được hỗ trợ, và tại sao? Điều gì xảy ra với họ về lâu dài? Có sự khác nhau nào mang tính hệ thống giữa các nạn nhân được hỗ trợ và những người không được hỗ trợ? Các nạn nhân không được hỗ trợ cần các loại hình hỗ trợ khác nào so với các loại hình đang được cung cấp? Báo cáo này cũng đưa ra những khuyến nghị cải tiến để đảm bảo rằng các nạn nhân bị buôn bán có thể tiếp cận với sự hỗ trợ mà họ cần và họ muốn.

Một số các khuyến nghị

Cung cấp thông tin bằng văn bản và bằng lời theo ngôn ngữ thích hợp, và thể hiện sự đáng tin cậy thông qua việc chú ý tới những mối quan tâm trực tiếp của nạn nhân.

Sự tiếp xúc đầu tiên với nạn nhân thường diễn ra trong những điều kiện khá rối ren và có sự lúng túng không biết điều gì đang xảy ra, cũng như người giúp đỡ kia thực sự là ai. Thành công trong việc đưa ra sự giúp đỡ phụ thuộc vào khả năng cung cấp thông tin và tạo được sự tin cậy vào thời điểm nạn nhân có thể còn đang bối rối và bị chấn thương tâm lý, không có đầy đủ khả năng đánh giá được những hậu quả của việc chấp nhận hay từ chối sự hỗ trợ. Những tài liệu bằng văn bản cần phải được cung cấp phù hợp với độ tuổi, ngôn ngữ và trình độ văn hóa của nạn nhân, giải thích có những sự hỗ trợ nào, những người tham gia vào quá trình này, và quyền của nạn nhân. Các tài liệu này có thể được tiếp tục cung cấp sau đó và hy vọng là vào lúc mà nạn nhân đã ổn định hơn, ngay cả khi họ lúc đầu đã từ chối. Về mặt tạo sự tin tưởng, một bước cần làm là xác định và giải quyết những vấn đề quan tâm trước mắt của nạn nhân, ví dụ như giấy tờ, ăn uống, sức khỏe, từ đó thể hiện rằng sự hỗ trợ không chỉ là thực mà còn có hiệu quả. Thời điểm mà nhiều người trả lời phỏng vấn cho biết họ nhận sự hỗ trợ cụ thể đầu tiên là khi họ quyết định đặt niềm tin vào người cung cấp dịch vụ, điều này đáng thuyết phục hơn bất kỳ lời nói nào hứa hẹn về mục đích tốt đẹp.

Xem xét các quy định và những giới hạn từ quan điểm của nạn nhân. Việc áp dụng bất kỳ quy định hạn chế nào đối với nạn nhân cũng cần phải xuất phát từ việc lý giải hợp lý rõ ràng về việc áp dụng đó, sự giám sát chặt chẽ và hướng dẫn áp dụng thích hợp, đảm bảo quyền của mỗi cá nhân và việc đối xử theo nguyên tắc ứng xử với nạn nhân, và không xảy ra sự vi phạm quyền của các nạn nhân. Những hướng dẫn như vậy hiện nay chưa có. Ngoài ra, cần phải thảo luận nghiêm túc về việc liệu các loại can thiệp này có phù hợp với nạn nhân không và khi nào thì phù hợp, tác động dự kiến ra sao và hiệu quả đạt được mục tiêu này như thế nào. Nếu áp dụng các quy định này, cần phải có một cơ quan chính thức để tiếp nhận các khiếu nại và là nơi các tổ chức và cá nhân có thể chịu trách nhiệm giải trình khi có trường hợp lạm dụng hay vấn đề nào đó xảy ra.

Cần có sự theo dõi, trách nhiệm giải trình và đảm bảo chất lượng. Công tác bảo vệ nạn nhân chủ yếu do các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức quốc tế thực hiện, các cơ quan này thường không chịu trách nhiệm giải trình với ai trừ các nhà tài trợ của họ, những người có thể lựa chọn hoặc không lựa chọn việc ra các điều kiện để tài trợ tiếp theo. Có rất ít các

hệ thống cấp phép cho các nhà cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực này, cũng như việc theo dõi giám sát công việc, và cơ chế chính thống dành cho việc khiếu nại trong trường hợp có sự đối xử bất công. Điều này, cùng với việc nhiều nạn nhân dường như tin rằng sự hỗ trợ là bắt buộc, tạo ra một sự lo ngại rằng liệu quyền của nạn nhân có được tôn trọng hay không, và tạo ra một khả năng là sự hỗ trợ có thể là một hình thức trừng phạt, như trường hợp của một số người trả lời phỏng vấn, và là nguyên nhân khiến những người khác từ chối sự hỗ trợ.

Phân bổ nguồn lực một cách phù hợp và xem xét các nhu cầu hỗ trợ lớn hơn. Việc đưa gia đình nạn nhân vào chương trình hỗ trợ có thể làm giảm bớt sự từ chối hỗ trợ của nạn nhân, vì một lý do từ chối là các nạn nhân phải trở về nhà và phục vụ các nhu cầu của gia đình. Điều này cũng giúp giảm bớt sự thiếu tin tưởng và sự nghi ngờ của gia đình đối với sự hỗ trợ và những người cung cấp dịch vụ. Việc cho phép bố mẹ đưa con cái tới các chương trình hỗ trợ cũng quan trọng như vậy, mặc dù cần phải có sự suy tính cẩn thận về việc thực hiện điều này như thế nào. Tuy nhiên, do nhiều người cung cấp dịch vụ lo ngại về việc thiếu các nguồn lực tài chính - thường các nhu cầu của nạn nhân (và số nạn nhân) vượt quá các nguồn lực có được – nên cần phải có nguồn kinh phí được phân bổ cho việc này.

Xây dựng các chương trình không xác định nạn nhân và không gây sự kỳ thị. Sự trợ giúp các nạn nhân bị buôn bán có thể sẽ ít gây kỳ thị hơn nếu như được lồng ghép với các dịch vụ xã hội, để sự hỗ trợ này có thể được các nạn nhân tiếp nhận như một đối tượng dễ bị tổn thương về mặt xã hội hơn là một nạn nhân bị buôn bán. Việc cung cấp các cơ hội hỗ trợ không đòi hỏi phải rời khỏi cộng đồng và đến ở trong một trung tâm có thể là một phương án tốt cho nhiều nạn nhân, những người cảm thấy không thể để cha mẹ và con cái ở nhà, hoặc những người không thể bỏ những công việc tạo thu nhập để tiếp nhận sự hỗ trợ.

Để biết thêm các chi tiết về công việc của Viện Fafu tại Na-Uy và Viện NEXUS ở Áo, xin liên hệ với các nghiên cứu viên cao cấp (Anette Brunovskis and Rebecca Surtees) theo địa chỉ ở trang đầu. Để biết thêm thông tin về dự án SIREN của UNIAP, xin liên hệ với Paul Buckley theo địa chỉ paul.buckley@undp.org.

SIREN là một sáng kiến được hỗ trợ bởi:



Liên minh các Tổ chức Liên Hiệp Quốc về Phòng chống Buôn bán
Văn phòng Quản lý Dự án Khu vực (UNIAP/PMO)
Trụ sở Liên Hiệp Quốc
Tầng 7, Tòa nhà B
Rajadamnern Nok Avenue, Bangkok 10200
THAILAND



www.no-trafficking.org